

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Chương trình giảng dạy ngoại ngữ 2 năm học 2025-2026 tại trường THCS Nam Từ Liêm
- Nguồn vốn: Kinh phí từ nguồn thu học phí của học sinh tham gia chương trình.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 9 tháng
- Đối tượng: Các học sinh Trường THCS Nam Từ Liêm tham gia chương trình.

2. Mục tiêu công việc:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Chất lượng cao của nhà trường;
- Thực hiện chương trình Tự chọn (ngoại ngữ 2) trong chương trình giáo dục Phổ thông 2018;
- Đáp ứng nhu cầu học thêm Ngoại ngữ 2 của học sinh;
- Trang bị kiến thức Tiếng Nhật, tiếng Trung cơ bản cho học sinh bậc THCS đồng đều cả 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết, giúp cho học sinh có nền tảng vững chắc để học lên cao, thi vào các trường THPT của Hà Nội, các trường chuyên ngữ hoặc thi lấy chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Chương trình phải có tính xuyên suốt và liên thông từ lớp 6 đến lớp 12 để giúp cho học sinh có thể theo học liên tục môn ngoại ngữ 2 cho đến hết bậc THPT.
- Kết thúc chương trình bậc THCS, học sinh đạt trình độ tối thiểu bậc 1 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Dạy 4 thứ tiếng Nhật, tiếng Trung trong chương trình tự chọn với học sinh bậc THCS
- Bồi dưỡng học sinh giỏi môn ngoại ngữ 2 đi thi cấp thành phố.

3.1. Chương trình giảng dạy

- Giáo trình áp dụng: Sách Giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục.
- Bên cạnh việc học kiến thức ngôn ngữ trên lớp, học sinh còn được phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa truyền thống Nhật Bản.
- Sau mỗi năm học, học sinh học được các kiến thức, kỹ năng cụ thể như sau:

a. Môn Tiếng Nhật

Khối 6	Kiến thức	Đọc và viết được bảng chữ cái Hiragana và Katakana, nhớ và sử dụng được khoảng 150 từ vựng, 20 chữ Hán, sử dụng được khoảng 20-25 cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các hội thoại đơn giản với tốc độ chậm, rõ ràng về các chủ đề đã học. - Có thể nói và hội thoại được những câu đơn giản với nội dung: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, giới thiệu bản thân, nói về thời gian, sở thích. - Đọc hiểu các đoạn văn ngắn, rất đơn giản về thông tin bản thân, thời gian, sở thích. - Có thể viết đúng các từ bằng chữ Hiragana, Katakana, chữ Hán đã học (các đồ vật xung quanh, tên người, tên trường, tên phố,...), viết được các câu đơn giản liên quan đến cả chủ đề đã học.
Khối 7	Kiến thức	Nhớ và sử dụng được khoảng 250 từ mới, 25 chữ Hán mới, có thể sử dụng thêm khoảng 25 - 30 cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp mới.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các hội thoại đơn giản với tốc độ tương đối chậm trong giao tiếp hàng ngày với số lượng từ vựng và cấu trúc hạn chế. - Có thể trình bày và trao đổi ngắn gọn về các vấn đề liên quan tới bản thân và cuộc sống xung quanh. - Đọc hiểu được nội dung chính của các đoạn văn đơn giản với nội dung liên quan đến các chủ đề đã học. - Viết được đoạn văn ngắn rất đơn giản về một chủ đề đã học hoặc viết về ý kiến cá nhân liên quan đến những vấn đề đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
Khối 8	Kiến thức	Nhớ và sử dụng được thêm khoảng 300 từ mới và 25 chữ Hán mới, sử dụng thêm được khoảng 25 - 30 cấu trúc ngữ pháp mới.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các thông tin ngắn và đơn giản với tốc độ nói bình thường về các chủ đề đã học với ngữ cảnh cụ thể. - Có thể trình bày và trao đổi về những vấn đề xã hội cơ bản và đơn giản liên quan tới bản thân và cuộc sống xung quanh. - Đọc hiểu được đầy đủ nội dung của đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề đã học. - Viết được đoạn văn ngắn trình bày ý kiến của cá nhân về một chủ đề đã học.
Khối 9	Kiến thức	Nhớ và sử dụng được thêm khoảng 350 từ mới và 30 chữ Hán mới, sử dụng thêm được khoảng 25 - 30 cấu trúc ngữ pháp mới.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được người bản ngữ, hỏi đáp và trình bày về các thông tin cơ bản liên quan đến các chủ đề đã học. - Có thể hỏi đáp và trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề có nội dung đơn giản liên quan đến các chủ đề đã học. - Đọc hiểu được các bài viết ngắn đơn giản với ngữ cảnh mở rộng và nội dung liên quan đến các chủ đề đã học.

		- Viết được thư cá nhân hoặc bài luận đơn giản có nội dung liên quan đến các chủ đề đã học.
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------

b. Môn Tiếng Trung

Khối 6	Kiến thức	Nắm được cách phát âm, cách đọc pinyin, nhớ cách viết các nét chữ Hán, nhớ và sử dụng được khoảng 317 từ vựng, sử dụng được khoảng 25 - 27 cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu những câu nói đơn giản có tốc độ chậm. - Phát âm chuẩn xác, rõ ràng những từ và cụm từ và cách diễn đạt đã học. - Đọc hiểu các cụm từ, câu đơn giản thuộc chủ đề, chủ điểm đã học. - Biết viết các nét đúng quy tắc, viết được các từ, cụm từ và câu đơn giản.
Khối 7	Kiến thức	Nhớ và sử dụng được khoảng 368 từ mới, có thể sử dụng thêm khoảng 25 - 30 cách diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp mới.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được những thông báo, chỉ lệnh đơn giản với tốc độ chậm, phát âm chính xác. - Biết dùng từ, cụm từ, câu đơn giản để giới thiệu về bản thân như họ tên, nơi ở, các hoạt động thường ngày, hoặc để nói về người hay sự vật, hiện tượng gần gũi với bản thân. - Đọc hiểu được sơ bộ về nội dung của những đoạn văn ngắn, đơn giản về chủ đề quen thuộc, gần gũi với bản thân, đặc biệt là khi có hình minh họa kèm theo. - Có thể chép lại được từ đơn hay văn bản ngắn được trình bày dưới dạng in chuẩn.
Khối 8	Kiến thức	Nhớ và sử dụng được thêm khoảng 362 từ mới và sử dụng thêm được khoảng 20 - 25 cấu trúc ngữ pháp mới.
	Kĩ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường, lớp học và các nhu cầu thiết yếu. - Có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình phải nhắc lại hay diễn đạt lại. - Đọc hiểu được những chỉ dẫn đơn giản ở nơi công cộng. - Viết được những câu đơn giản để miêu tả bản thân, gia đình, bạn bè, trường học, giới thiệu nơi ở, hoạt động của bản thân.

- Nhà thầu phải cung cấp giáo trình và tài liệu học tập cho học sinh trong năm học 2025-2026 phù hợp với chương trình giảng dạy.

3.2. Thời lượng: Số tiết/ tuần: 3 tiết/ tuần

3.3 Số lượng học sinh dự kiến

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Giảng dạy tiếng Nhật cho học sinh khối 6	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 75 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 675 học sinh	Học sinh	675
2	Giảng dạy tiếng Nhật cho học sinh khối 7	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 75 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 675 học sinh	Học sinh	675
3	Giảng dạy tiếng Nhật cho học sinh khối 8	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 60 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 540 học sinh	Học sinh	540
4	Giảng dạy tiếng Nhật cho học sinh khối 9	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 150 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 1.350 học sinh	Học sinh	1.350
5	Giảng dạy tiếng Trung cho học sinh khối 6	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 108 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 972 học sinh	Học sinh	972
6	Giảng dạy tiếng Trung cho học sinh khối 7	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 72 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 648 học sinh	Học sinh	648
7	Giảng dạy tiếng Trung cho học sinh khối 8	- học 3 tiết/tuần (12 tiết/tháng) - Dự kiến 72 học sinh/tháng x 9 tháng/năm học = 648 học sinh	Học sinh	648

3.4. Thời gian

Thời gian học: Theo năm học của Sở GD&ĐT Hà Nội.

Nhà trường phối hợp với Trung tâm sắp xếp lịch học phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của cha mẹ học sinh

3.5. Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên môn Ngoại ngữ 2 chịu sự quản lý của Nhà trường về chuyên cần, trang phục, hành vi ứng xử, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn cùng Nhà trường.

Ban Giám hiệu Nhà trường tiến hành dự giờ đánh giá chất lượng dạy học của giáo viên định kỳ.

Giáo viên môn Ngoại ngữ 2 được tham gia các buổi hội thảo, trao đổi chuyên đề, tập huấn để không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy.

3.6. Quản lý chất lượng nội dung chương trình giảng dạy

Giáo trình dạy học: theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các tài liệu bổ trợ: lựa chọn các nội dung phù hợp với trình độ và độ tuổi của học sinh từ các giáo trình dạy tiếng Nhật, Hàn, Đức, Trung phổ biến để đưa vào làm tài liệu tham khảo, bổ trợ trong quá trình dạy học; tự biên soạn các tài liệu, bài tập luyện tập, nâng cao kỹ năng cho học sinh.

Lấy ý kiến đánh giá của học sinh về nội dung học và công tác giảng dạy của giáo viên để nâng cao chất lượng chương trình.

3.7. Công tác phối hợp

Thường xuyên trao đổi về tình hình dạy và học ngay khi có những vấn đề phát sinh để cùng phối hợp giải quyết thông qua giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cán bộ quản lý chương trình của hai bên.

Định kỳ hàng tuần, giáo viên dạy Ngoại ngữ 2 tham gia các buổi họp chuyên môn với Nhà trường và sau mỗi học kỳ, có đánh giá kết quả đã thực hiện được, những tồn tại của chương trình để tìm ra các giải pháp khắc phục kịp thời những điểm chưa hợp lý.

3.8. Kế hoạch thực hiện chương trình

Thực hiện quy trình đấu thầu để lựa chọn đơn vị triển khai, đảm bảo đơn vị được lựa chọn có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để triển khai chương trình.

Nhà trường xây dựng thời khóa biểu và thảo luận, thống nhất với đối tác trước khi chính thức triển khai việc giảng dạy.

Triển khai giảng dạy, giám sát việc thực hiện chương trình đảm bảo theo đúng nội dung trong đề án, hợp đồng.

Chương trình dự kiến bắt đầu từ tháng 09/2025 và kết thúc vào tháng 05/2026.

3.9. Trách nhiệm của nhà thầu

Quản lý chất lượng, phương pháp, nội dung giảng dạy.

Theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện.

Có kế hoạch khảo sát, kiểm tra đánh giá học sinh.

3.10. Trách nhiệm của giáo viên trực tiếp giảng dạy

Có tinh thần, trách nhiệm trong giảng dạy.

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung chương trình giảng dạy đính kèm trong đề án.

Chuẩn bị kỹ nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh.

Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc tiếp thu kiến thức của học sinh.

Có kiểm tra thường kỳ đánh giá học sinh.

Liên hệ chặt chẽ với GVCN, quản lý chặt chẽ học sinh của lớp mình dạy.

3.11. Năng lực về hoạt động giáo dục của nhà thầu:

- Nhà thầu phải có Giấy chứng nhận được phép hoạt động giáo dục tiếng Nhật, tiếng Trung (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực

4. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin thường xuyên về tình hình học tập của học sinh tới cha mẹ học sinh, giáo viên giảng dạy phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ học.